



RIGHTS OF PERSONS BELONGING TO MINORITIES AND INDIGENOUS PEOPLES

QUYỀN CỦA NGƯỜI THiểu SỐ VÀ CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA

RIGHTS OF PERSONS
BELONGING TO
MINORITIES
AND
INDIGENOUS PEOPLES



Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc

UNIFEM là quỹ phụ nữ ở Liên Hợp Quốc. UNIFEM hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho những chương trình và chiến lược có sáng kiến về đẩy mạnh việc tăng quyền năng cho phụ nữ và bình đẳng giới. Đặt việc thúc đẩy các quyền con người của phụ nữ làm trung tâm của tất cả những cố gắng của mình, UNIFEM tập trung các hoạt động của mình vào bốn lĩnh vực chiến lược sau:

- Giảm nạn nghèo đang bị “nữ hóa”
- Chấm dứt bạo lực với phụ nữ
- Đảo ngược sự lan tràn của HIV/AIDS ở phụ nữ và trẻ em gái
- Đạt bình đẳng giới trong quản trị quốc gia dân chủ trong những khi chiến tranh cũng như trong hòa bình.

QUYỀN CỦA NGƯỜI THIỂU SỐ VÀ CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA

(Rights of Persons Belonging to Minorities and Indigenous Peoples)

Dịch ra tiếng Việt: Nguyễn Thị Thanh Hải - Trang Diệu

Hiệu đính, biên tập và giới thiệu: Vũ Ngọc Bình

Trình bày/in: Công ty CP Phát triển Báo chí
Truyền thông Việt Nam (PJC)

MỤC LỤC (CONTENTS)

LỜI GIỚI THIỆU (Introduction)

1. TUYÊN NGÔN VỀ QUYỀN CỦA NHỮNG NGƯỜI THUỘC CÁC NHÓM THIỂU SỐ VỀ DÂN TỘC, CHỦNG TỘC, TÔN GIÁO VÀ NGÔN NGỮ
(Declaration on the Rights of Persons Belonging to National or Ethnic, Religious and Linguistic Minorities) 1
2. TUYÊN NGÔN CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN CỦA CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA
(United Nations Declaration on the Rights of Indigenous Peoples) 9

LỜI GIỚI THIỆU (INTRODUCTION)

Dân tộc bản địa (indigenous peoples) và **người thiểu số (minorities)** là những khái niệm khác nhau được sử dụng chính thức trong các văn bản của Liên Hợp Quốc. Tuy nhiên, hai khái niệm này lại thường được sử dụng lẫn nhau ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới do tính chất nhạy cảm từ các góc độ chính trị, lịch sử, kinh tế, tôn giáo, chủng tộc, sắc tộc và xã hội. Nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đã chính thức công bố rằng họ không có người bản địa hay những vấn đề liên quan đến người bản địa mà chỉ có người thiểu số về chủng tộc, sắc tộc, ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo...

Theo số liệu ước tính của Liên Hợp Quốc, số người bản địa trên thế giới ước tính có khoảng 5.000 nhóm với 370 triệu người (riêng hơn 150 triệu ở châu Á, 30 triệu ở châu Phi, 2,5 triệu ở Bắc Mỹ) ở hơn 70 nước. Trong suốt lịch sử thế giới từ trước đến nay, người bản địa sống ở những vùng đất trước khi những người định cư ở nơi khác đến đã phải chịu nhiều đau khổ và bất hạnh bởi những kẻ thực dân và những người đi tìm đất đai, của cải. Họ thường bị xua đuổi, truy bức và môi trường sinh sống bị tàn phá.

Nhiều quốc gia trên thế giới có người thiểu số về chủng tộc, sắc tộc, ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo. Mặc dù hiện không có số liệu chính thức song ước tính có khoảng từ 10% đến 20% dân số toàn cầu với 600 triệu đến 1.200 triệu người là người thiểu số.

Người bản địa và người thiểu số là những nhóm người thiệt thòi, dễ bị tổn thương nhất trong các nhóm dân cư và quyền của họ thường dễ bị vi phạm nhất vì nhiều lí do bất kể những đóng góp to lớn của họ cho sự phát triển chung của xã hội ngày hôm nay. Họ thường bị gạt ra ngoài lề của công cuộc phát triển ở cả các nước đang phát triển và những nước phát triển cũng như thường bị tước đi các quyền chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hoá. Họ bị phân biệt, miệt thị, bắt công, bóc lột, mù chữ và sống trong nghèo khổ.

Tuy nhiên, nhận thức và hành động về các vấn đề của người bản địa và người thiểu số cùng quyền của họ đã có những thay đổi và bước tiến lớn trong vài thập kỷ qua trên thế giới. Bảo vệ các quyền của người bản địa và người thiểu số đã được Liên Hợp Quốc xác định là một ưu tiên cao trong các chương trình hành động của mình ngay từ khi thành lập tới nay.

Đại hội đồng Liên Hợp Quốc tuyên bố năm 1993 là Năm quốc tế về các dân tộc bản địa (the International Year of the World's Indigenous People) và thập kỷ 1995-2004 là Thập kỷ quốc tế về các dân tộc bản địa (the International Decade for the World's Indigenous People) nhằm tăng cường sự hợp tác quốc tế để giải quyết những vấn đề của cộng đồng người bản địa mà cơ bản nhất là quyền con người, phát triển, y tế, giáo dục, môi trường... Nhóm công tác về các dân tộc bản địa (the Working Group on Indigenous Populations) từ năm 1982 và sau đó là Diễn đàn thường trực về các vấn đề bản địa (the Permanent Forum on Indigenous Issues) đã tích cực nghiên cứu thúc đẩy việc thực hiện các quyền của những người bản địa qua việc soạn thảo Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa (the Declaration on the Rights of the Indigenous Peoples) được thông qua trong năm 2007.

Trong năm 1992, Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua Tuyên ngôn về quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ (the Declaration on the Rights of Persons Belonging to National or Ethnic, Religious and Linguistic Minorities) và Diễn đàn về các vấn đề thiểu số (the Forum on Minority Issues) được thành lập trong năm 2007 thay thế cho Nhóm công tác Liên Hợp Quốc về người thiểu số (the United Nations Working Group on Minorities) được thành lập năm 1995.

Với phạm vi khuôn khổ hạn hẹp, cuốn sách nhỏ này cung cấp cho bạn đọc bản dịch tiếng Việt hai văn kiện cơ bản của Liên Hợp Quốc kể trên về quyền của người bản địa và người thiểu số hiện đang được nhiều quốc gia tham khảo sử dụng để đưa vào luật pháp và chính sách quốc gia.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

1. TUYÊN NGÔN VỀ QUYỀN CỦA NHỮNG NGƯỜI THUỘC CÁC NHÓM THIỂU SỐ VỀ DÂN TỘC, CHỦNG TỘC, TÔN GIÁO VÀ NGÔN NGỮ

(Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua theo Nghị quyết 47/135 ngày 18 tháng 12 năm 1992)

Đại Hội Đồng,

Khẳng định lại rằng, một trong những mục tiêu cơ bản của Liên Hợp Quốc, như đã được tuyên bố trong Hiến chương Liên Hợp Quốc là thúc đẩy và khuyến khích sự tôn trọng các quyền con người và tự do cơ bản cho tất cả mọi người mà không phân biệt về chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hay tôn giáo,

Khẳng định lại niềm tin vào các quyền con người cơ bản và phẩm giá của con người, vào những quyền bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ, giữa các dân tộc lớn và nhỏ,

Mong muốn thúc đẩy việc thực hiện những nguyên tắc được nêu trong Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng, Công ước quốc tế về xoá

Quyền của người thiểu số

bỏ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Tuyên ngôn về xoá bỏ tất cả các hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo hay tín ngưỡng và Công ước về quyền trẻ em, cũng như những văn kiện quốc tế có liên quan khác được thông qua ở cấp độ toàn cầu hay khu vực và những văn kiện được ký kết giữa các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc,

Được khích lệ bởi những quy định tại Điều 27 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị liên quan đến các quyền của những người thuộc nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ,

Xem xét rằng, việc thúc đẩy và bảo vệ quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ góp phần vào sự ổn định chính trị và xã hội ở những quốc gia mà họ sống,

Nhấn mạnh rằng, sự thúc đẩy và thực hiện thường xuyên quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ, như là một phần gắn liền trong sự phát triển của xã hội nói chung và trong khuôn khổ dân chủ dựa trên pháp quyền, sẽ góp phần vào việc tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc và các quốc gia,

Quyền của người thiểu số

Xét rằng, Liên Hợp Quốc có một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ người thiểu số,

Ghi nhớ rằng, công việc đã được thực hiện cho đến nay trong hệ thống Liên Hợp Quốc, đặc biệt của Ủy ban về quyền con người, Tiểu ban về ngăn ngừa sự phân biệt đối xử và bảo vệ người thiểu số và những cơ quan được thành lập theo các công ước quốc tế về quyền con người và những văn kiện về quyền quốc tế có liên quan khác trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ,

Ghi nhận công việc quan trọng được các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ thực hiện trong việc bảo vệ người thiểu số và trong việc thúc đẩy bảo vệ quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ,

Công nhận nhu cầu đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả hơn các văn kiện quốc tế về quyền con người liên quan đến quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ,

Công bố Tuyên ngôn về quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ này:

Điều 1

1. Các quốc gia phải bảo vệ sự tồn tại và bản sắc dân tộc hay sắc tộc, văn hoá, tôn giáo và ngôn ngữ của người thiểu số trong phạm vi lãnh thổ thuộc sự quản lý của họ và sẽ khuyến khích những điều kiện để thúc đẩy bản sắc đó.

2. Các quốc gia phải thông qua những biện pháp lập pháp và các biện pháp thích hợp khác để đạt được những mục tiêu này.

Điều 2

1. Những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ (dưới đây gọi là những người thuộc các nhóm thiểu số) có quyền hưởng nền văn hoá riêng của họ, được thừa nhận và thực hành tôn giáo các riêng của họ, được sử dụng ngôn ngữ riêng của họ một cách tự do và không bị can thiệp hay bị bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào trong đời sống riêng hay công cộng mà không bị can thiệp hay phân biệt đối xử hay dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Những người thuộc các nhóm thiểu số có quyền tham gia một cách tích cực vào đời sống văn hoá, tôn giáo hay xã hội, kinh tế và đời sống cộng đồng.

3. Những người thuộc các nhóm thiểu số có quyền

tham gia một cách có hiệu quả vào những quyết định ở cấp quốc gia và trong những trường hợp thích hợp ở cấp khu vực khi liên quan đến nhóm thiểu số mà họ là thành viên hoặc liên quan đến những vùng mà họ sống theo một phương thức không trái với pháp luật quốc gia.

4. Những người thuộc các nhóm thiểu số có quyền thành lập và duy trì các hội đoàn riêng của họ.

5. Những người thuộc các nhóm thiểu số có quyền thành lập và duy trì, mà không có bất kỳ sự phân biệt nào các cuộc tiếp xúc tự do và hoà bình với các thành viên khác cùng nhóm họ và với những người thuộc các nhóm thiểu số khác, cũng như các cuộc tiếp xúc qua biên giới với công dân của những quốc gia khác mà họ có các mối quan hệ về dân tộc hay sắc tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ.

Điều 3

1. Những người thuộc các nhóm thiểu số có thể thực hiện các quyền của họ, kể cả những quyền được nêu trong Tuyên ngôn này với tư cách cá nhân cũng như trong cộng đồng cùng với các thành viên khác trong nhóm của họ mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào.

2. Không người nào thuộc một nhóm thiểu số sẽ phải chịu bất lợi do hậu quả của việc thực hiện hoặc không thực hiện các quyền được nêu trong Tuyên ngôn này.

Điều 4

1. Các quốc gia phải thực hiện những biện pháp trong trường hợp cần thiết để đảm bảo rằng những người thuộc các nhóm thiểu số có thể được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả tất cả các quyền con người và những tự do cơ bản của họ mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào một cách hoàn toàn bình đẳng trước pháp luật.

2. Các quốc gia phải thực hiện những biện pháp để tạo điều kiện thuận lợi cho những người thuộc các nhóm thiểu số được thể hiện những đặc điểm riêng của họ, và được phát triển văn hoá, ngôn ngữ, tôn giáo, truyền thống và tập quán của họ, trừ khi những việc cụ thể đó vi phạm pháp luật quốc gia và trái với các chuẩn mực quốc tế.

3. Các quốc gia cần thực hiện những biện pháp thích hợp để những người thuộc các nhóm thiểu số có thể có đầy đủ những cơ hội được học hỏi tiếng mẹ đẻ của họ hoặc được giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của họ bất cứ khi nào có thể.

4. Các quốc gia trong trường hợp thích hợp cần thực hiện những biện pháp trong lĩnh vực giáo dục để giúp phát triển kiến thức về lịch sử, truyền thống, ngôn ngữ và văn hoá của các nhóm thiểu số đang sống trong phạm vi lãnh thổ của họ. Những người thuộc các nhóm thiểu số cần có đầy đủ những cơ hội để có được kiến thức xã hội nói chung.

5. Các quốc gia cần xem xét những biện pháp thích hợp để những người thuộc các nhóm thiểu số có thể tham gia đầy đủ vào sự phát triển và tiến bộ kinh tế ở nước họ.

Điều 5

1. Phải lập kế hoạch và thực hiện các chính sách và chương trình quốc gia vì những lợi ích chính đáng của những người thuộc các nhóm thiểu số.

2. Cần lập kế hoạch và thực hiện những chương trình hợp tác và hỗ trợ giữa các quốc gia vì các lợi ích chính đáng của những người thuộc các nhóm thiểu số.

Điều 6

Các quốc gia cần hợp tác về những vấn đề liên quan đến những người thuộc các nhóm thiểu số, bao gồm cả việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm nhằm thúc đẩy lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau.

Điều 7

Các quốc gia cần hợp tác nhằm thúc đẩy sự tôn trọng những quyền được nêu ra trong Tuyên ngôn này.

Điều 8

1. Không có quy định nào trong Tuyên ngôn này ngăn cản việc thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ quốc tế của các quốc gia liên quan đến những người thuộc các nhóm thiểu số. Đặc biệt, các quốc gia phải thiện chí thực

hiện đầy đủ những nghĩa vụ và cam kết mà họ đã thừa nhận theo các điều ước và thoả thuận quốc tế mà họ là thành viên.

2. Việc thực hiện các quyền được nêu trong Tuyên ngôn này sẽ không được ảnh hưởng gì đến việc hưởng thụ những quyền con người và tự do cơ bản đã được công nhận trên phạm vi toàn cầu của tất cả mọi người.

3. Những biện pháp do các quốc gia thực hiện nhằm đảm bảo việc thụ hưởng có hiệu quả những quyền được nêu trong Tuyên ngôn này sẽ không phải là căn cứ để bị coi là trái với nguyên tắc bình đẳng được nêu trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.

4. Không có quy định nào trong Tuyên ngôn này có thể được hiểu là cho phép bất kỳ hoạt động nào trái với những mục đích và nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, bao gồm sự bình đẳng về chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và độc lập về chính trị của các quốc gia.

Điều 9

Các cơ quan chuyên môn và những tổ chức khác trong hệ thống Liên Hợp Quốc cần góp phần và việc thực hiện đầy đủ các quyền và nguyên tắc được quy định trong Tuyên ngôn này trong phạm vi từng lĩnh vực thuộc thẩm quyền của họ.

2. TUYÊN NGÔN CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN CỦA CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA

(Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua theo Nghị quyết 61/295 ngày 13 tháng 9 năm 2007)

Đại Hội Đồng,

Được hướng dẫn bởi các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc và lòng tin cao độ vào việc thực hiện những nghĩa vụ theo Hiến chương của các quốc gia,

Khẳng định rằng các dân tộc bản địa được bình đẳng với tất cả những dân tộc khác, đồng thời ghi nhận quyền của các dân tộc được khác nhau, được tự coi mình khác và được tôn trọng như vậy,

Cũng khẳng định rằng tất cả các dân tộc đều góp phần làm đa dạng làm giàu có những nền văn minh và văn hóa tạo nên những di sản chung cho loài người,

Khẳng định thêm rằng tất cả các học thuyết, chính sách và thực tiễn dựa vào hoặc biện hộ cho tính ưu việt của những dân tộc hoặc các cá nhân trên cơ sở nguồn gốc dân tộc, chủng tộc hay những khác nhau về tôn giáo, sắc tộc, hay văn hóa đều là sự phân biệt chủng tộc, giả dối về

Quyền của các dân tộc bản địa

mặt khoa học, không có giá trị pháp lý, đáng bị lên án về mặt đạo đức và bất công về mặt xã hội,

Khẳng định lại rằng các dân tộc bản địa trong khi thực hiện quyền của mình không bị không phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào,

Quan ngại rằng các dân tộc bản địa đang phải gánh chịu những bất công của lịch sử do họ bị thực dân hóa và bị chiếm đoạt đất đai, lãnh thổ và tài nguyên ngoài các yếu tố khác, vì vậy các dân tộc bản địa đã bị ngăn cản không thể thực hiện những quyền của họ, cụ thể là quyền phát triển theo các nhu cầu và lợi ích của riêng họ,

Công nhận nhu cầu cấp thiết phải tôn trọng và thúc đẩy các quyền vốn có của những dân tộc bản địa xuất phát từ các cơ cấu chính trị, kinh tế và xã hội và từ các nền văn hóa, truyền thống tâm linh, lịch sử và triết học, đặc biệt là từ những quyền của họ đối với đất đai, lãnh thổ và tài nguyên của họ,

Cũng công nhận nhu cầu cấp thiết tôn trọng và thúc đẩy những quyền của các dân tộc bản địa đã được khẳng định trong những điều ước, hiệp định và các thỏa thuận mang tính xây dựng với các quốc gia,

Hoan nghênh việc người bản địa đang tự tổ chức để nâng cao đời sống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa nhằm chấm dứt tất cả các hình thức phân biệt đối xử và áp bức đang diễn ra ở bất cứ đâu,

Quyền của các dân tộc bản địa

Tin tưởng rằng việc các dân tộc bản địa tự kiểm soát những sự phát triển có tác động đến họ, đến đất đai, lãnh thổ và tài nguyên của họ sẽ giúp họ duy trì và củng cố những thiết chế, văn hóa truyền thống của mình và để thúc đẩy sự phát triển của họ theo các nguyện vọng và nhu cầu của họ,

Công nhận rằng tôn trọng những tri thức, văn hóa và truyền thống bản địa là đóng góp vào sự phát triển bền vững, công bằng và quản lý tốt môi trường,

Nhấn mạnh sự đóng góp của việc phi quân sự hóa đất đai và lãnh thổ của các dân tộc bản địa vào nền hòa bình, tiến bộ và phát triển về kinh tế và xã hội, hiểu biết và quan hệ bạn hữu giữa các quốc gia và dân tộc trên thế giới,

Đặc biệt công nhận quyền của các gia đình và cộng đồng bản địa được duy trì sự chia sẻ trách nhiệm trong nuôi nấng, dạy dỗ, giáo dục và hạnh phúc của con cái họ, phù hợp với các quyền của trẻ em,

Xét thấy rằng các quyền được khẳng định trong những điều ước, hiệp định và thỏa thuận khác mang tính xây dựng giữa các quốc gia và các dân tộc bản địa trong một số trường hợp là những vấn đề quan ngại, lợi ích, trách nhiệm và đặc điểm mang tính quốc tế,

Cũng xét thấy rằng các điều ước, hiệp định và thỏa thuận mang tính xây dựng khác cùng với những mối quan

Quyền của các dân tộc bản địa

hệ mà họ đại diện là cơ sở cho sự đối tác được tăng cường giữa các dân tộc bản địa và các quốc gia,

Công nhận rằng Hiến chương Liên Hợp Quốc, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị cũng như Tuyên bố Viên và Chương trình hành động đều khẳng định tầm quan trọng cơ bản của quyền tự quyết của các dân tộc, mà theo đó các dân tộc được tự do quyết định vị thế chính trị và tự do theo đuổi sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của họ,

Ghi nhớ rằng không nội dung nào trong Tuyên ngôn này có thể bị sử dụng để chối bỏ quyền tự quyết của bất kỳ dân tộc nào, được thực hiện phù hợp với luật pháp quốc tế,

Tin tưởng rằng việc công nhận các quyền của những dân tộc bản địa trong Tuyên ngôn này sẽ giúp làm tăng các mối quan hệ hài hòa và hợp tác giữa quốc gia với những dân tộc bản địa, dựa trên cơ sở các nguyên tắc công bằng, dân chủ, tôn trọng quyền con người, không phân biệt đối xử và lòng tin,

Khuyến khích các quốc gia tuân thủ và thực hiện hiệu quả tất cả những nghĩa vụ của họ khi áp dụng cho các dân tộc bản địa theo những văn kiện quốc tế, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến quyền con người trong tham

Quyền của các dân tộc bản địa

vấn và hợp tác với những dân tộc có liên quan,

Nhấn mạnh rằng Liên Hợp Quốc đóng vai trò quan trọng và liên tục trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền của những dân tộc bản địa,

Tin tưởng rằng Tuyên ngôn này là một bước tiến quan trọng hướng tới việc công nhận, thúc đẩy và bảo vệ các quyền và tự do của những dân tộc bản địa và trong xây dựng các hoạt động liên quan của hệ thống Liên Hợp Quốc trên lĩnh vực này,

Công nhận và tái khẳng định rằng những cá nhân người bản địa được hưởng tất cả các quyền con người được công nhận trong pháp luật quốc tế mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào, và những dân tộc bản địa có những quyền tập thể vốn là các quyền không thể thiếu được cho sự tồn tại, thịnh vượng và phát triển hợp thành với tư cách là những dân tộc,

Cũng công nhận rằng tình hình các dân tộc bản địa là khác nhau giữa các khu vực, quốc gia và tầm quan trọng của những nét đặc thù quốc gia và khu vực, và những cơ sở lịch sử và văn hóa cần phải được xem xét,

Long trọng tuyên bố Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về quyền của các dân tộc bản địa sau đây là một chuẩn mực về thành tựu cần phải theo đuổi thực hiện trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau:

Điều 1

Các dân tộc bản địa với tư cách cá nhân hay tập thể có quyền được hưởng thụ đầy đủ tất cả các quyền con người và quyền tự do cơ bản được thừa nhận trong Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và luật pháp quốc tế về quyền con người.

Điều 2

Các dân tộc và cá nhân người bản địa được tự do và bình đẳng với tất cả những dân tộc, cá nhân khác và có quyền không bị phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào khi thực hiện các quyền của mình, đặc biệt trên cơ sở nguồn gốc xuất xứ và bản sắc bản địa của họ.

Điều 3

Các dân tộc bản địa có quyền tự quyết. Theo quyền đó, họ được tự do quyết định vị thế chính trị và tự do theo đuổi sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của họ.

Điều 4

Trong khi thực hiện quyền tự quyết, các dân tộc bản địa có quyền tự trị hay tự quản trong những vấn đề liên quan đến các công việc nội bộ và địa phương của họ, cũng như những cách thức và phương tiện để hỗ trợ về tài chính việc thực hiện những chức năng tự trị của họ.

Điều 5

Các dân tộc bản địa có quyền duy trì và tăng cường

những thiết chế chính trị, luật pháp, kinh tế, xã hội và văn hóa riêng biệt của họ, trong khi vẫn giữ quyền tham gia đầy đủ nếu họ lựa chọn, vào đời sống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của quốc gia.

Điều 6

Mỗi cá nhân người bản địa đều có quyền được có quốc tịch

Điều 7

1. Các cá nhân, người bản địa có quyền sống, được toàn vẹn về thể chất và tinh thần, quyền được tự do và an ninh cá nhân.

2. Các dân tộc bản địa có quyền tập thể là được sống trong tự do, hòa bình và an ninh với tư cách là những dân tộc riêng biệt mà không bị bất cứ hành động diệt chủng nào hay chịu bất cứ hành vi bạo lực nào khác, bao gồm cả việc ép buộc di dời trẻ em từ nhóm này sang nhóm khác.

Điều 8

1. Các dân tộc và cá nhân người bản địa có quyền không bị cưỡng ép đồng hóa hay hủy hoại nền văn hóa của họ.

2. Các quốc gia phải có cơ chế hiệu quả để phòng ngừa và khắc phục:

Quyền của các dân tộc bản địa

(a) Bất kỳ hành động nào có mục đích hoặc tác động để tước đoạt quyền được toàn vẹn là các dân tộc riêng biệt của họ bị hoặc tước đoạt các giá trị văn hóa hay bản sắc dân tộc của họ;

(b) Bất kỳ hành động nào có mục đích hoặc tác động để tước đoạt đất đai, lãnh thổ và tài nguyên của họ;

(c) Bất kỳ hình thức ép buộc chuyển dân nào với mục đích hoặc tác động nhằm xâm phạm hay tổn hại quyền của họ;

(d) Bất kỳ hình thức ép buộc đồng hóa hay hội nhập nào;

(e) Bất kỳ hình thức tuyên truyền nào nhằm thúc đẩy hay khuyến khích phân biệt đối xử chủng tộc hay sắc tộc trực tiếp đối với họ.

Điều 9

Các dân tộc và cá nhân người bản địa có quyền thuộc về một cộng đồng bản địa hay quốc gia, phù hợp với những truyền thống và phong tục tập quán của cộng đồng bản địa hay quốc gia đó. Khi thực hiện quyền này sẽ không được có bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào.

Điều 10

Các dân tộc bản địa không bị ép buộc di dời khỏi những vùng đất đai hay lãnh thổ của họ. Không được

Quyền của các dân tộc bản địa

tiến hành di dời nếu như không có sự đồng thuận tự nguyện và thông báo trước của các dân tộc bản địa và sau khi đã đạt được thỏa thuận đền bù công bằng, thỏa đáng và có khả năng quay trở lại ở nơi cũ khi có thể.

Điều 11

1. Các dân tộc bản địa có quyền thực hiện và khơi dậy những truyền thống văn hóa và phong tục tập quán của họ. Điều này bao gồm quyền được duy trì, bảo vệ và phát triển các hình thái văn hóa của họ trong quá khứ, hiện tại và tương lai, chẳng hạn như những di tích khảo cổ và lịch sử, di vật khảo cổ, thiết kế, lễ hội, công nghệ, nghệ thuật biểu hiện, nghệ thuật trình diễn và văn học.

2. Các quốc gia phải có biện pháp khắc phục thông qua các cơ chế hiệu quả mà có thể bảo gồm việc cùng với những dân tộc bản địa phục hồi nền văn hóa, tri thức, tôn giáo và tài sản tinh thần của họ mà đã bị tước đoạt mà không có sự đồng thuận tự nguyện, có thông báo trước hoặc xâm phạm đến luật pháp, truyền thống và phong tục tập quán của họ.

Điều 12

1. Các dân tộc bản địa có quyền thể hiện, thực hiện, phát triển và giảng dạy những truyền thống tôn giáo và tinh thần, phong tục tập quán, lễ hội của họ; có quyền duy trì, bảo vệ và riêng tư tiếp cận các điểm tôn giáo và văn

Quyền của các dân tộc bản địa

hóa của họ; có quyền sử dụng và kiểm soát lễ vật của họ và có quyền hồi hương di hài của họ.

2. Các quốc gia phải tạo điều kiện để những dân tộc bản địa được tiếp cận và/hoặc hồi hương những lễ vật và di hài thuộc quyền sở hữu của họ thông qua các cơ chế công bằng, minh bạch và hiệu quả với sự tham gia của các dân tộc bản địa có liên quan.

Điều 13

1. Các dân tộc bản địa có quyền khơi dậy, sử dụng, phát triển và truyền lại cho những thế hệ sau về lịch sử, ngôn ngữ, truyền thống truyền miệng, triết học, hệ thống chữ viết và văn học của họ; có quyền tạo lập và duy trì những tên gọi riêng của họ cho các cộng đồng, địa điểm và con người.

2. Các quốc gia phải tiến hành những biện pháp hiệu quả để đảm bảo quyền này được bảo vệ và đồng thời đảm bảo để các dân tộc bản địa có thể hiểu và được nhận thức về các thủ tục chính trị, pháp lý, hành chính và qua việc cung cấp phiên dịch hoặc các phương tiện hỗ trợ phù hợp khác khi ở nơi cần thiết.

Điều 14

1. Các dân tộc bản địa có quyền thiết lập và kiểm soát những hệ thống giáo dục và thiết chế cung ứng giáo dục của họ bằng các ngôn ngữ của riêng họ, theo một

Quyền của các dân tộc bản địa

cách thức phù hợp với những phương pháp văn hoá dạy và học của họ.

2. Các cá nhân người bản địa, đặc biệt là trẻ em có quyền được tham gia vào tất cả các cấp và hình thức giáo dục của quốc gia mà không bị phân biệt đối xử.

3. Các quốc gia phải cùng với những dân tộc bản địa tiến hành các biện pháp hiệu quả để cá nhân người bản địa, đặc biệt là trẻ em kể cả những trẻ em sống ngoài cộng đồng của các em được tiếp cận với giáo dục bằng văn hóa và bằng ngôn ngữ của các em ở những nơi có thể.

Điều 15

1. Các dân tộc bản địa có quyền về phẩm giá và đa dạng về văn hóa, truyền thống, lịch sử và nguyện vọng của họ mà phải được thể hiện một cách phù hợp trong giáo dục và thông tin đại chúng.

2. Các quốc gia phải tiến hành những biện pháp hiệu quả, có sự tham vấn và hợp tác của các dân tộc bản địa liên quan, để đấu tranh chống lại định kiến và xóa bỏ phân biệt đối xử, thúc đẩy lòng khoan dung, sự hiểu biết và mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc bản địa và tất cả những thành phần khác trong xã hội.

Điều 16

1. Các dân tộc bản địa có quyền thiết lập những phương tiện truyền thông bằng các ngôn ngữ riêng của

họ và được tiếp cận tất cả những hình thức thông tin không bản địa mà không bị phân biệt đối xử.

2. Các quốc gia phải tiến hành những biện pháp hiệu quả để đảm bảo các phương tiện truyền thông của Nhà nước phản ánh được tính đa dạng của văn hóa bản địa. Thông qua sự đảm bảo tự do biểu đạt mà không có sự định kiến nào, các quốc gia cần khuyến khích những phương tiện thông tin của tư nhân phản ánh đầy đủ tính đa dạng của văn hóa bản địa

Điều 17

1. Các cá nhân và dân tộc bản địa có quyền được hưởng thụ đầy đủ tất cả những quyền được ghi nhận trong pháp luật lao động quốc tế và quốc gia được áp dụng.

2. Các quốc gia phải tiến hành những biện pháp cụ thể với sự tham vấn và hợp tác của các dân tộc bản địa để bảo vệ trẻ em bản địa khỏi bị bóc lột về kinh tế và khỏi bất kể công việc nào gây độc hại hay tổn hại đến việc giáo dục của các em, hay gây nguy hại cho sức khỏe, sự phát triển về thể chất, tinh thần, tâm linh, đạo đức, xã hội của các em, có lưu ý đến tính đặc biệt dễ bị tổn thương của các em và tầm quan trọng của giáo dục đối với việc trao quyền cho các em.

3. Các cá nhân bản địa có quyền không bị phân biệt đối xử về những điều kiện lao động, trong đó có các vấn đề việc làm hay tiền lương.

Điều 18

Các dân tộc bản địa có quyền tham gia vào việc ra quyết định về các vấn đề có ảnh hưởng tới những quyền của họ, thông qua các đại diện do họ tự lựa chọn theo những thủ tục của riêng họ, cũng như duy trì và phát triển các thiết chế ra quyết định của riêng họ.

Điều 19

Các quốc gia phải tham vấn và hợp tác một cách thiện chí với những dân tộc bản địa có liên quan thông qua các thiết chế đại diện của riêng họ nhằm đạt được sự thỏa thuận tự nguyện, có thông báo trước của họ trước khi thông qua hay thực hiện những biện pháp lập pháp và hành chính mà có thể ảnh hưởng tới họ.

Điều 20

1. Các dân tộc bản địa có quyền duy trì và phát triển những hệ thống hay thiết chế chính trị, kinh tế và xã hội của họ, được bảo đảm thụ hưởng các phương thức tồn tại và phát triển của riêng họ, được tự do tham gia tất cả những hoạt động truyền thống và kinh tế khác của họ.

2. Các dân tộc bản địa khi đã bị tước đoạt những phương tiện tồn tại và phát triển được quyền đền bù công bằng và thỏa đáng.

Điều 21

1. Các dân tộc bản địa có quyền được cải thiện những điều kiện kinh tế và xã hội mà không bị phân biệt

đối xử, gồm cả các lĩnh vực giáo dục, việc làm, đào tạo nghề và đào tạo lại, nhà ở, vệ sinh, sức khỏe và an ninh xã hội.

2. Các quốc gia phải tiến hành những biện pháp hiệu quả và khi thích hợp, đưa ra các biện pháp đặc biệt để đảm bảo tiếp tục cải thiện điều kiện kinh tế và xã hội. Phải đặc biệt chú ý đến các quyền và nhu cầu đặc biệt của những người cao tuổi, phụ nữ, thanh niên trẻ em và người tàn tật bản địa.

Điều 22

1. Phải đặc biệt chú ý đến những quyền và nhu cầu đặc biệt của người cao tuổi, phụ nữ, thanh niên, trẻ em và người tàn tật bản địa khi thực hiện Tuyên ngôn này.

2. Các quốc gia phải cùng những dân tộc bản địa tiến hành các biện pháp để đảm bảo cho phụ nữ và trẻ em bản địa được bảo vệ và bảo đảm đầy đủ khỏi tất cả các hình thức thức bạo lực và phân biệt đối xử.

Điều 23

Các dân tộc bản địa có quyền tự quyết và xây dựng những ưu tiên và chiến lược để thực thi quyền phát triển của họ. Đặc biệt họ có quyền chủ động tham gia tích cực vào xây dựng và quyết định các chương trình về y tế, nhà ở, những chương trình kinh tế và xã hội khác ảnh hưởng tới họ và quản lý những chương trình đó thông qua các thiết chế riêng của họ càng nhiều càng tốt.

Điều 24

1. Các dân tộc bản địa có quyền sử dụng những loại thuốc cổ truyền và duy trì các tập tục y tế của họ, bảo gồm việc bảo tồn những loại cây thuốc, động vật và khoáng chất quan trọng làm thuốc. Cá nhân người bản địa cũng có quyền tiếp cận tất cả các dịch vụ xã hội và y tế mà không bị phân biệt đối xử.

2. Cá nhân người bản địa có quyền bình đẳng được hưởng thụ chuẩn mực cao nhất về sức khỏe thể chất và tinh thần. Các quốc gia phải tiến hành những biện pháp cần thiết nhằm dần thực hiện đầy đủ quyền này.

Điều 25

Các dân tộc bản địa có quyền duy trì và tăng cường những mối quan hệ tâm linh riêng biệt với các đất đai, lãnh thổ, sông nước, vùng bờ biển và những tài nguyên khác do họ sở hữu, chiếm giữ, sử dụng từ xưa và nâng cao trách nhiệm của họ cho các thế hệ sau về mặt này.

Điều 26

1. Các dân tộc bản địa có quyền đối với những đất đai, lãnh thổ và tài nguyên mà họ sở hữu, chiếm giữ, sử dụng hay có được từ trước.

2. Các dân tộc bản địa có quyền sở hữu, sử dụng, phát triển và kiểm soát những đất đai, lãnh thổ và tài nguyên mà họ đã sở hữu, chiếm hữu hay sử dụng từ xa

Quyền của các dân tộc bản địa

xưa, cũng như các đất đai, lãnh thổ và tài nguyên mà họ có được.

3. Các quốc gia phải công nhận và bảo vệ về mặt pháp lý đối với những đất đai, lãnh thổ và tài nguyên này. Sự công nhận đó phải được tiến hành với sự tôn trọng thích đáng đối với những phong tục tập quán, truyền thống và hệ thống chiếm hữu đất đai của các dân tộc bản địa liên quan.

Điều 27

Các quốc gia phải cùng với những dân tộc bản địa liên quan thiết lập và thực hiện một quá trình công bằng, độc lập, không thiên vị, cởi mở và minh bạch, nhằm công nhận thỏa đáng những pháp luật, truyền thống, phong tục tập quán và hệ thống chiếm hữu đất đai của người bản địa, công nhận và xem xét các quyền của những dân tộc bản địa đối với các đất đai, lãnh thổ và tài nguyên của họ, gồm cả những đất đai, lãnh thổ và tài nguyên mà họ đã sở hữu, chiếm hữu và sử dụng từ trước. Các dân tộc bản địa có quyền tham gia vào quá trình này.

Điều 28

1. Các dân tộc bản địa có quyền được bồi hoàn, theo cách thức mà trong đó có quyền được hoàn trả, hoặc khi không thể hoàn trả thì được đền bù công bằng, thỏa đáng đối với những đất đai, lãnh thổ và tài nguyên thuộc quyền sở hữu của họ theo truyền thống hoặc họ đã sinh

Quyền của các dân tộc bản địa

sống hay sử dụng, và bị tịch thu, chiếm dụng hoặc gây hư hại mà không có sự đồng thuận tự nguyện và thông báo trước.

2. Trừ khi được sự đồng ý của những người liên quan, việc đền bù sẽ được thực hiện dưới hình thức đất đai, lãnh thổ và tài nguyên tương đương về chất lượng, kích thước và địa vị pháp lý hoặc bồi thường tiền mặt hoặc các hình thức bồi đền bù khác.

Điều 29

1. Các dân tộc bản địa có quyền được bảo tồn và bảo vệ môi trường và năng suất của những đất đai, hay lãnh thổ và tài nguyên của họ. Các quốc gia phải thiết lập và thực hiện những chương trình hỗ trợ việc bảo tồn và bảo vệ môi trường của các dân tộc bản địa mà không có sự phân biệt đối xử.

2. Các quốc gia phải tiến hành những biện pháp hiệu quả nhằm đảm bảo không có việc lưu trữ hoặc xả các hóa chất độc hại trong phạm vi đất đai, lãnh thổ của những dân tộc bản địa mà không có sự tự nguyện đồng ý và cho phép trước của họ.

3. Các quốc gia phải tiến hành những biện pháp hiệu quả để đảm bảo khi cần thiết sẽ thực hiện đầy đủ các chương trình giám sát, duy trì và khôi phục sức khỏe cho những dân tộc bản địa được thực hiện như đã thiết lập và

thực hiện bởi những người bị ảnh hưởng bởi các các loại vật liệu như vậy.

Điều 30

1. Không được triển khai các hoạt động quân sự trên đất đai và trong phạm vi lãnh thổ của những dân tộc bản địa, trừ khi một mối đe dọa to lớn với lợi ích công cộng liên quan, hoặc được sự tự nguyện đồng ý hoặc được yêu cầu bởi chính các dân tộc bản địa liên quan.

2. Các quốc gia phải tiến hành những cuộc tham vấn hữu hiệu với các dân tộc bản địa có liên quan qua những thủ tục đặc biệt và qua các thiết chế đại diện của họ, trước khi sử dụng những đất đai hoặc lãnh thổ của họ cho các hoạt động quân sự.

Điều 31

1. Các dân tộc bản địa có quyền duy trì, kiểm soát, bảo vệ và phát triển những di sản văn hóa, kiến thức truyền thống và các biểu hiện văn hóa truyền thống, cũng như sự thể hiện về khoa học, kỹ thuật và văn hóa của họ, kể cả những nguồn tài nguyên con người và tài nguyên gien, giống cây, thuốc men, kiến thức về tính chất của các quần thể động, thực vật, truyền thống truyền miệng, văn học, hội họa, kiểu dáng, thể thao và trò chơi truyền thống và các hình thức nghệ thuật nghe nhìn và biểu diễn. Họ cũng có quyền duy trì, kiểm soát, bảo vệ và phát triển các tài sản trí tuệ đối với di sản văn hóa, kiến thức và các hình thái văn hóa truyền thống như vậy.

2. Cùng với những dân tộc bản địa, các quốc gia phải tiến hành những biện pháp hữu hiệu để công nhận và bảo vệ việc thực thi các quyền này.

Điều 32

1. Các dân tộc bản địa có quyền tự quyết định và xây dựng những ưu tiên và chiến lược để phát triển hoặc sử dụng đất đai, lãnh thổ và các nguồn tài nguyên khác của họ.

2. Các quốc gia phải tham khảo và hợp tác với thiên chí với những dân tộc bản địa liên quan thông qua các thiết chế đại diện của họ để đạt được sự đồng thuận tự nguyện và được thông tin trước khi thông qua bất kỳ dự án nào có ảnh hưởng đến những đất đai hay lãnh thổ, các nguồn tài nguyên của họ, đặc biệt khi có liên quan đến việc phát triển, huy động và khai thác khoáng vật, nguồn nước và các nguồn tài nguyên khác.

3. Các quốc gia phải xây dựng những cơ chế bồi hoàn công bằng và thỏa đáng cho bất kỳ các hoạt động như vậy và phải tiến hành những biện pháp thích hợp nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi về môi trường, kinh tế, xã hội, văn hóa và tâm linh.

Điều 33

1. Các dân tộc bản địa có quyền quyết định bản sắc hay tư cách thành viên của họ theo những truyền thống và tập quán của họ. Điều này không hạn chế quyền của các

cá nhân bản địa trong việc có tư cách công dân tại những quốc gia mà họ đang sinh sống.

2. Các dân tộc bản địa có quyền được quyết định những cấu trúc và lựa chọn thành viên của các thiết chế của họ theo với những thủ tục riêng của họ.

Điều 34

Các dân tộc bản địa có quyền thúc đẩy, phát triển và duy trì những cấu trúc thiết chế và các phong tục, tâm linh, truyền thống, thủ tục, tập tục riêng của họ và trong trường hợp có tồn tại thì cả những hệ thống pháp lý hoặc tập quán theo các chuẩn mực quốc tế về quyền con người.

Điều 35

Các dân tộc bản địa có quyền quyết định những trách nhiệm của các cá nhân đối với những cộng đồng của họ.

Điều 36

1. Các dân tộc bản địa, đặc biệt những dân tộc bị chia cách bởi các biên giới quốc tế có quyền được duy trì và phát triển những mối liên lạc, quan hệ và hợp tác, bao gồm các hoạt động vì những mục đích tâm linh, văn hóa, chính trị, kinh tế và xã hội với riêng các thành viên của họ cũng như với những các dân tộc khác qua biên giới.

2. Các quốc gia thông qua tư vấn và hợp tác với những dân tộc bản địa phải tiến hành các biện pháp để thúc đẩy việc thực hiện và đảm bảo việc thực hiện quyền này.

Điều 37

1. Các dân tộc bản địa có quyền công nhận, tuân thủ và thực thi những điều ước, thỏa thuận cũng như các hiệp định mang tính xây dựng khác đã được ký kết với những quốc gia hoặc chủ thể kế tục của họ và được các quốc gia tôn vinh và tôn trọng đối với những điều ước, thỏa thuận và hiệp định khác mang tính xây dựng như vậy.

2. Không có nội dung nào trong Tuyên ngôn này có thể bị hiểu theo nghĩa gây hạn chế hoặc xóa bỏ quyền của các dân tộc bản địa đã được ghi nhận trong các hiệp ước, hiệp định và thỏa thuận mang tính xây dựng khác.

Điều 38

Các quốc gia phải thông qua tham vấn và hợp tác với những dân tộc bản địa tiến hành các biện pháp thích hợp, kể cả những biện pháp lập pháp để đạt được các mục tiêu của Tuyên ngôn này.

Điều 39

Các dân tộc bản địa có quyền tiếp cận hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật từ những quốc gia và thông qua hợp tác quốc tế nhằm đảm bảo việc hưởng thụ các quyền đã có trong Tuyên ngôn này.

Điều 40

Các dân tộc bản địa có quyền tiếp cận quá trình đưa ra quyết định nhanh chóng thông qua những thủ tục công

bằng và thỏa đáng để giải quyết các tranh chấp và xung đột với những quốc gia hay các bên khác, cũng như những cơ chế bồi hoàn hiệu quả đối với tất cả các xâm phạm đến những quyền cá nhân và tập thể. Khi đưa ra quyết định như vậy phải xem xét thỏa đáng đến các tập quán, truyền thống, luật lệ và hệ thống pháp luật của những dân tộc bản địa liên quan và các quyền con người quốc tế.

Điều 41

Các bộ phận và cơ quan chuyên môn trong hệ thống Liên Hợp Quốc và những tổ chức liên chính phủ khác phải góp phần vào việc hiện thực đầy đủ các điều khoản trong Tuyên ngôn này qua việc huy động hợp tác tài chính và hỗ trợ kỹ thuật, bên cạnh những công việc khác. Phải thiết lập các cách thức và biện pháp đảm bảo sự tham gia của những dân tộc bản địa về các vấn đề ảnh hưởng đến họ.

Điều 42

Liên Hợp Quốc và những cơ quan trực thuộc, bao gồm Diễn đàn thường trực về các vấn đề bản địa, các cơ quan chuyên môn, kể cả ở cấp quốc gia và các quốc gia phải thúc đẩy việc tôn trọng và áp dụng đầy đủ những điều khoản của Tuyên ngôn này đồng thời theo dõi tính hiệu quả của nó.

Điều 43

Các quyền được ghi nhận ở đây tạo thành những chuẩn mực tối thiểu cho sự tồn tại, phẩm giá và thịnh vượng của các dân tộc bản địa trên thế giới.

Điều 44

Tất cả những quyền và tự do được ghi nhận ở đây đều được đảm bảo bình đẳng cho các cá nhân người bản địa, bất kể nam hay nữ.

Điều 45

Không có nội dung nào trong Tuyên ngôn này có thể bị hiểu theo nghĩa hạn chế hoặc xóa bỏ các quyền mà những dân tộc bản địa đang có hoặc có thể có trong tương lai.

Điều 46

1. Không có gì trong Tuyên ngôn này có thể bị hiểu theo nghĩa ngầm cho phép bất kỳ quốc gia, dân tộc, nhóm hoặc cá nhân có quyền tham gia hoặc tiến hành bất kỳ hoạt động nào trái với Hiến chương Liên Hợp Quốc hay được hiểu theo nghĩa cho phép hoặc khuyến khích bất kỳ hành động có thể tách rời hoặc xâm phạm toàn bộ hoặc một phần toàn vẹn về lãnh thổ hay thống nhất về chính trị của các quốc gia độc lập và có chủ quyền.

2. Khi thực hiện các quyền ghi nhận trong Tuyên ngôn này, phải tôn trọng các quyền con người và tự do

Quyền của các dân tộc bản địa

cơ bản. Những hạn chế việc thực hiện các quyền ghi nhận trong Tuyên ngôn này phải do pháp luật quy định và phải phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế về quyền con người. Những hạn chế về quyền như vậy không được gây nên sự phân biệt đối xử và chỉ được thực hiện khi cần thiết vì mục đích đảm bảo ghi nhận và tôn trọng quyền và tự do của người khác và nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bằng và bắt buộc nhất của một xã hội dân chủ.

3. Các điều khoản nêu ra trong Tuyên ngôn này phải được giải thích trên cơ sở phù hợp với những nguyên tắc công bằng, dân chủ, tôn trọng quyền con người, bình đẳng, không phân biệt đối xử, quản lý quốc gia tốt và thiện chí.

UNIFEM hoạt động tích cực ở tất cả các khu vực và ở các cấp khác nhau. UNIFEM hợp tác với các quốc gia để xây dựng và thực hiện pháp luật và chính sách nhằm xóa bỏ phân biệt giới và thúc đẩy bình đẳng giới trên những lĩnh vực như đất đai và quyền thừa kế, công việc tương tất cho phụ nữ và chấm dứt bạo lực với phụ nữ. UNIFEM cũng nhằm thúc đẩy việc chuyển hóa những thiết chế nhà nước để các thiết chế này chịu trách nhiệm hơn với công tác bình đẳng giới và quyền phụ nữ, để tăng cường khả năng, tiếng nói của những người tuyên truyền vận động cho phụ nữ và để làm thay đổi các tập tục có hại và phân biệt trong xã hội.

Hai thỏa thuận quốc tế là **Cương lĩnh hành động Bắc Kinh** được thông qua tại **Hội nghị thế giới về phụ nữ lần thứ tư năm 1995** và **Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW)** được biết đến như là bộ luật về quyền phụ nữ làm khuôn khổ cho công việc của UNIFEM. Tinh thần của hai văn kiện này được **Tuyên bố Thiên niên kỷ** khẳng định với 8 mục tiêu thiên niên kỷ cần được hoàn thành vào năm 2015 là đấu tranh chống nghèo, đói, bệnh tật, nạn mù chữ, bất bình đẳng giới và để xây dựng những mối quan hệ đối tác vì phát triển. Bên cạnh đó, **Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc về phụ nữ, hòa bình và an ninh** là cơ sở tham khảo quan trọng với UNIFEM trong việc hỗ trợ phụ nữ trong các tình huống có xung đột và sau xung đột.

United Nations Development Fund for Women



Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc

**QUYỀN
CỦA
NGƯỜI
THiểu SỐ
VÀ
CÁC
DÂN TỘC
BẢN ĐỊA**

RIGHTS OF PERSONS BELONGING TO MINORITIES AND INDIGENOUS PEOPLES



Cedaw



Canadian International Development Agency Agence canadienne de développement international

Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada (CIDA)